

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 08/6/2026 của Bộ Chính trị
về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

Thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 08/6/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (*sau đây viết tắt là Nghị quyết số 10-NQ/TW*), Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt, triển khai thực hiện đầy đủ, sâu sắc nội dung Nghị quyết số 10-NQ/TW, nhằm nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn tỉnh về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế quốc gia, đóng góp tích cực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng, an ninh, nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

- Cụ thể hoá các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu được nêu tại Nghị quyết số 10-NQ/TW và các quy định khác của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tiễn của tỉnh đảm bảo thiết thực, hiệu quả. Trong đó, tập trung phát triển đồng bộ, thống nhất hệ sinh thái đầu tư nước ngoài, gắn với chiến lược phát triển doanh nghiệp, phát triển các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, trung tâm đổi mới sáng tạo, hạ tầng logistics, dữ liệu, năng lượng; khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài hình thành trụ sở hoạt động và các trung tâm điều hành, nghiên cứu, thiết kế, dịch vụ tại tỉnh. Đồng thời, tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh nhanh, bền vững, hiệu quả, chất lượng cao.

- Thực hiện bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu về tài sản, vốn đầu tư, thu nhập và các quyền, lợi ích hợp pháp khác của nhà đầu tư nước ngoài; bảo đảm môi trường đầu tư, kinh doanh minh bạch, ổn định, nhất quán, chi phí tuân thủ thấp, có khả năng dự báo cao, phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Thực hiện và bảo đảm cơ chế đối thoại, tiếp nhận, xử lý kịp thời các nội dung kiến nghị của các doanh nghiệp trên nguyên tắc hài hòa lợi ích giữa các bên. Đồng thời, phát huy tính chủ động, sáng tạo của địa phương trên cơ sở thống nhất chiến lược, quy hoạch, tiêu chí, cơ chế giám sát; lấy kết quả đóng góp thực chất làm thước đo chủ yếu trong thu hút, quản lý và sử dụng đầu tư nước ngoài.

2. Yêu cầu

- Tổ chức tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW nghiêm túc, sâu rộng, thường xuyên, liên tục với sự tham gia tích cực, có trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân, nhất là người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý của cơ quan, đơn vị.

- Xác định mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện phải cụ thể, rõ ràng phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Các chỉ tiêu, nhiệm vụ phải gắn với thời hạn thực hiện; phân công cụ thể đơn vị đầu mối chủ trì và đơn vị phối hợp, đồng bộ, khả thi, hiệu quả. Phân bổ nguồn lực phù hợp với từng nhiệm vụ, tránh dàn trải, lãng phí; thường xuyên kiểm tra, giám sát, báo cáo việc thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW theo quy định.

II. MỤC TIÊU

1. Đến năm 2030

- Phân đầu đưa tỉnh Thái Nguyên thuộc nhóm dẫn đầu trong cả nước về môi trường đầu tư kinh doanh, năng lực cạnh tranh, đổi mới sáng tạo, chất lượng dịch vụ công và năng lực tiếp nhận các dự án đầu tư nước ngoài chất lượng cao. Đồng thời trở thành trung tâm công nghệ bán dẫn lớn của Việt Nam, thu hút ít nhất 01 trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D); 01 trung tâm đổi mới sáng tạo có sự tham gia của doanh nghiệp FDI.

- Giai đoạn 2026 - 2030: Thu hút từ 12 - 17 tỷ USD vốn FDI đăng ký mới và tăng thêm giai đoạn 2026 - 2030 (trung bình từ 2,4 - 3,4 tỷ USD/năm); vốn thực hiện khoảng 5 - 10 tỷ USD (trung bình từ 01 đến 02 tỷ USD/năm).

- Trên 75% vốn đầu tư nước ngoài đến từ các nền kinh tế phát triển, các dự án FDI mới thuộc lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ số, công nghệ xanh.

- Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP đạt khoảng 47%.

- Phân đầu tỷ lệ nội địa hóa trung bình trong các ngành công nghiệp chủ lực đạt 45%.

- Phần đầu có khoảng 180 doanh nghiệp của tỉnh tham gia chuỗi cung ứng của doanh nghiệp FDI.
- Có khoảng 9 đến 18 doanh nghiệp trở thành nhà cung ứng cấp 1 cho các doanh nghiệp FDI.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo tại các doanh nghiệp FDI đạt trên 80%.
- Có ít nhất 01 khu công nghiệp đạt chuẩn khu công nghiệp sinh thái.
- Có 10% khu công nghiệp thành lập trên địa bàn được chuyển đổi hoặc xây dựng theo mô hình khu công nghiệp sinh thái.

2. Đến năm 2045

- Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh phát triển hiệu quả, bền vững, gắn kết chặt chẽ với kinh tế nhà nước, kinh tế tư nhân.
- Phần đầu đến năm 2045, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm khoảng 25% tổng vốn đầu tư toàn xã hội và đóng góp khoảng 30% GRDP của tỉnh.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhóm nhiệm vụ chung

1.1. Đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức về vị trí, vai trò của kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài:

- Nhất quán nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong tỉnh về vị trí, vai trò của kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Trong đó xác định kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là một bộ phận cấu thành không tách rời của nền kinh tế; là một động lực quan trọng trong phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế; là nguồn cung ứng vốn chất lượng cao, công nghệ tiên tiến, quản trị hiện đại, tiêu chuẩn quốc tế; là cầu nối mở rộng thị trường và tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu; là kênh truyền thông, quảng bá hình ảnh, nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam nói chung và của tỉnh Thái Nguyên nói riêng.

- Chuyển đổi từ tư duy quản lý hành chính sang tư duy kiến tạo phát triển, quản trị hiện đại, điều hành theo kết quả; tập trung thu hút các doanh nghiệp, tập đoàn lớn nước ngoài đến khảo sát, đầu tư các dự án lớn tại tỉnh; kiên quyết không đánh đổi môi trường, tài nguyên, an sinh xã hội và an ninh kinh tế của tỉnh để đổi lấy tăng trưởng kinh tế đơn thuần.

- Khuyến khích, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nâng cao trách nhiệm, tăng cường các hoạt động liên kết, chia sẻ tri thức, hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh cùng phát triển, mở rộng thị trường đầu tư.

1.2. Hoàn thiện thể chế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh:

- Rà soát, bổ sung, hoàn thiện các văn bản pháp lý thuộc thẩm quyền, bảo đảm công khai, minh bạch, ổn định, có khả năng dự báo cao, đặc biệt trong các lĩnh vực đầu tư, doanh nghiệp, đất đai, quy hoạch, xây dựng, thuế, hải quan, thương mại, cạnh tranh, ngoại hối, chứng khoán, sở hữu trí tuệ, dữ liệu, lao động, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; kịp thời tháo gỡ chông chéo, mâu thuẫn, điểm nghẽn cho doanh nghiệp, nhà đầu tư trong tổ chức thực hiện.

1.3. Phát triển nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài

- Xây dựng, triển khai chương trình phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với nhu cầu của các ngành, lĩnh vực ưu tiên, các cụm liên kết ngành, khu công nghiệp, khu công nghệ cao và dự án chiến lược; đồng thời đẩy mạnh liên kết giữa Nhà nước, cơ sở đào tạo, doanh nghiệp trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.

- Nghiên cứu, ban hành chính sách hỗ trợ cho các dự án đào tạo nguồn nhân lực của doanh nghiệp đầu tư nước ngoài liên kết với các trường, cơ sở đào tạo nghề của tỉnh, nhất là trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược.

- Đổi mới giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học và nâng cao kỹ năng cho người lao động; ưu tiên các ngành công nghệ, kỹ thuật, dữ liệu, tự động hóa, quản trị sản xuất, logistics, tài chính và các lĩnh vực mới có nhu cầu cao.

- Nghiên cứu, tổ chức lại các cơ sở đào tạo nghề hiện có tại tỉnh để hình thành các trung tâm đào tạo nghề chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài thế hệ mới.

1.4. Nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng phục vụ thu hút đầu tư chiến lược

- Đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đảm bảo đồng bộ, hiện đại gắn với quy hoạch phát triển quốc gia, vùng và của địa phương; bảo đảm cung ứng đủ và ổn định điện, nước, hạ tầng số, đáp ứng đủ nhu cầu quỹ đất sạch, dịch vụ hỗ trợ cho các dự án chất lượng cao.

- Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi các khu công nghiệp theo hướng sinh thái, thông minh, chuyên ngành, tích hợp hạ tầng sản xuất với hạ tầng dịch vụ logistics, hạ tầng xã hội phục vụ người lao động (nhà ở, y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao). Phát triển hạ tầng theo cụm, ngành chiến lược gắn với không gian phát triển, quy hoạch địa phương, xử lý môi trường.

- Hoàn thiện hạ tầng số và cơ sở dữ liệu đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công và kết nối nhà đầu tư; thúc đẩy dùng chung dữ liệu, chuẩn hóa quy trình, cắt giảm giấy tờ, giảm thời gian xử lý, giảm chi phí tuân thủ.

2. Đổi mới định hướng thu hút đầu tư nước ngoài theo ngành, lĩnh vực, địa bàn

- Tập trung ưu tiên thu hút đầu tư nước ngoài trên các lĩnh vực: Công nghiệp điện tử, chip bán dẫn và thiết bị số; trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, Internet vạn vật và chuỗi khối; công nghệ sinh học và y sinh tiên tiến; công nghệ năng lượng và vật liệu tiên tiến, công nghiệp xanh; logistics hiện đại, dịch vụ chuỗi cung ứng, dịch vụ tài chính, thương mại, đổi mới sáng tạo và các dịch vụ giá trị gia tăng cao. Đồng thời, ưu tiên thu hút các dự án, nhà đầu tư có công nghệ nền tảng, công nghệ lõi, cam kết triển khai các hoạt động nghiên cứu, thiết kế, hình thành trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm dữ liệu...

- Thường xuyên rà soát, cập nhật đầy đủ thông tin, số liệu về các lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư nước ngoài, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương trong từng giai đoạn phát triển, đồng thời đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, bảo đảm quốc phòng, an ninh và lợi ích quốc gia - dân tộc.

- Nghiên cứu xây dựng cơ chế ưu đãi vượt trội, cạnh tranh, gắn với yêu cầu kết quả thực hiện; quy trình thủ tục đầu tư đặc thù, riêng biệt; cơ chế xử lý các khó khăn, vướng mắc tập trung, nhanh, linh hoạt để tạo môi trường thuận lợi, thu hút các doanh nghiệp, nhà đầu tư nước ngoài.

3. Thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế số, chuyển giao công nghệ, tăng tính lan tỏa, liên kết với khu vực kinh tế trong nước

- Khuyến khích tổ chức tín dụng hỗ trợ lãi suất, cấp tín dụng ưu đãi để triển khai các dự án có vốn đầu tư nước ngoài xanh, tuần hoàn, tiết kiệm năng lượng, sử dụng tài nguyên bền vững và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG). Nghiên cứu, cho phép doanh nghiệp khấu hao nhanh đối với tài sản số và tài sản xanh.

- Khuyến khích doanh nghiệp FDI thành lập trung tâm nghiên cứu phát triển (R&D), trung tâm thiết kế, trung tâm kỹ thuật trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ doanh nghiệp trong nước tiếp nhận, làm chủ và phát triển công nghệ; thúc đẩy liên doanh, liên kết trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược.

- Khuyến khích các dự án có vốn đầu tư nước ngoài theo hướng xanh, tuần hoàn, tiết kiệm năng lượng, sử dụng tài nguyên bền vững và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG)

- Xây dựng cơ chế đánh giá hiệu quả chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo và mức độ đóng góp của các dự án FDI đối với nền kinh tế địa phương.

4. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư

- Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư theo hướng chủ động, có trọng tâm, trọng điểm dựa trên dữ liệu, chuyên nghiệp, thực chất, dài hạn; tích cực vận động, đàm phán và đồng hành với nhà đầu tư chiến lược, dự án chiến lược; đẩy mạnh việc tháo gỡ khó khăn cho dự án hiện hữu và khuyến khích mở rộng dự án chất lượng cao trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng hình ảnh môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh Thái Nguyên ổn định, an toàn, minh bạch, cải cách, nhân lực có chất lượng, vị trí chiến lược, hạ tầng ngày càng hoàn thiện và quyết tâm đồng hành cùng nhà đầu tư.

- Tập trung xúc tiến đầu tư tại các quốc gia và vùng lãnh thổ có thế mạnh về công nghệ bán dẫn, đổi mới sáng tạo và công nghiệp hỗ trợ như Hàn Quốc, Nhật Bản, Hoa Kỳ, Đức, Singapore...

- Hỗ trợ mở rộng đầu tư đối với các doanh nghiệp FDI hiện hữu đang hoạt động hiệu quả trên địa bàn tỉnh.

5. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

- Tiếp tục rà soát, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; xây dựng, hoàn thiện cơ chế rà soát, phối hợp thẩm định và quản trị rủi ro đầu tư với các dự án, giao dịch liên quan đến lĩnh vực, địa bàn, doanh nghiệp, công trình, hạ tầng trọng yếu hoặc nhạy cảm; bảo đảm tiêu chí rõ ràng, công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền, đúng trình tự, không làm phát sinh rào cản, ách tắc không cần thiết đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh hợp pháp.

- Phối hợp xây dựng và vận hành Cổng một cửa đầu tư quốc gia theo hướng số hóa toàn trình, liên thông dữ liệu giữa các bộ, ngành, địa phương nhằm nâng cao chất lượng phục vụ nhà đầu tư, doanh nghiệp, chất lượng phân tích, dự báo và điều hành chính sách.

- Triển khai Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định; tăng cường các biện pháp phòng, chống gian lận thương mại, xuất xứ hàng hóa trên cơ sở kết hợp xác minh kỹ nguồn gốc vốn, chủ sở hữu hưởng lợi cuối cùng và kiểm soát giao dịch có rủi ro cao theo quy định của pháp luật.

- Tăng cường giám sát việc thực hiện cam kết của nhà đầu tư; thực hiện quản lý dự án FDI từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư, triển khai, vận hành đến mở rộng hoặc chấm dứt hoạt động. Kịp thời xử lý vi phạm, thu hồi ưu đãi hoặc áp dụng biện pháp phù hợp đối với trường hợp không thực hiện đúng cam kết, sử dụng lãng phí đất đai, tài nguyên, năng lượng hoặc gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, trật tự, an toàn xã hội.

- Tôn vinh, khen thưởng các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài có đóng góp thực chất, dài hạn, tích cực cho các mục tiêu phát triển của tỉnh.

- Tăng cường kiểm soát các dự án đầu tư trong lĩnh vực trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây và hạ tầng số; bảo đảm an ninh dữ liệu, an ninh mạng, kiểm soát chặt chẽ các dự án có yếu tố nhạy cảm về quốc phòng, an ninh và dữ liệu theo quy định của pháp luật.

6. Hoàn thiện cơ chế, chính sách liên quan đến đầu tư gián tiếp nước ngoài

- Tăng cường các biện pháp nhằm xoá bỏ các rào cản tiếp cận thị trường đảm bảo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, rõ ràng, nhất quán, ổn định lâu dài, dễ tuân thủ, chi phí thấp. Minh bạch hoá, số hoá, thông minh hoá, tự động hoá, áp dụng triệt để trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong thực hiện các quy trình, thủ tục hành chính, nhất là về gia nhập, rút lui khỏi thị trường, đất đai, quy hoạch, đầu tư, xây dựng, thuế, hải quan, bảo hiểm, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn...

- Nghiên cứu xây dựng các chính sách hỗ trợ khởi nghiệp cho cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật đã làm việc tại doanh nghiệp FDI nhằm tận dụng kinh nghiệm, kiến thức, mô hình quản trị, mối quan hệ với các doanh nghiệp FDI để tham gia vào chuỗi cung ứng.

- Tăng cường hỗ trợ các dịch vụ tư vấn, xúc tiến thương mại để kết nối các doanh nghiệp FDI với doanh nghiệp địa phương tại các khu công nghiệp, khu công nghệ cao trên địa bàn tỉnh.

7. Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cơ quan có liên quan trong phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác tham mưu, quản lý nhà nước, xúc tiến, hỗ trợ đầu tư; bố trí cán bộ đủ năng lực, bản lĩnh, phẩm chất, tinh thần phục vụ và tư duy hội nhập.

- Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, cộng đồng doanh nghiệp và người lao động trong quá trình xây dựng, thực thi và giám sát chính sách về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy, các cấp uỷ, tổ chức đảng, các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 10-NQ/TW đến toàn thể cán bộ, đảng viên,

đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân; xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức thực hiện bảo đảm phù hợp, hiệu quả, sát với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương, tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ cho việc triển khai thực hiện.

2. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch hành động triển khai Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW và Kế hoạch này với các nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình phù hợp và phân công cụ thể trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện; chủ trì theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc triển khai và định kỳ hằng quý báo cáo thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW và Kế hoạch này.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng cơ chế, chính sách về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

4. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị, địa phương việc quán triệt, thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân; chỉ đạo các cơ quan truyền thông của tỉnh thường xuyên tuyên truyền Nghị quyết số 10-NQ/TW bằng các hình thức thiết thực, phù hợp, hiệu quả, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

5. Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy theo chức năng nhiệm vụ được giao theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (*báo cáo*);
- Các Ban xây dựng Đảng Trung ương,
- Văn phòng Trung ương Đảng (*báo cáo*);
- Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Các đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy;
- Các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

NguyễnNhatMinh-250

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



Nguyễn Đăng Bình